TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-4-2024
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang
Ông Phạm Quốc Toàn

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị O, sinh năm 1989
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre
Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An
Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1988
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre
Chị O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Đặng Thị O có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh P kết hôn vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bạo lực gia đình nên đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Do xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được

nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/10/2012, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị O.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Đặng Thị O đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Thanh P chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị O về việc ly hôn với anh Nguyễn Thanh P. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/10/2012 cho chị O trực tiếp trong nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ghi nhận chị O không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị O trình bày tự thỏa thuận. Về nợ chung: Chị O trình bày không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị O yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Thanh P, cư trú tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt anh P là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị O trình bày, chị và anh Nguyễn Thanh P kết hôn vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/11/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị O cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bạo lực gia đình nên đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị O và anh P đoàn tụ nhưng anh P không tham dự các phiên hòa giải và chị O kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh P, đã chứng tỏ anh chị không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, chị O và anh P không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị O đối với anh P là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị O và anh P có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/10/2012. Chị O yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy, cháu H hiện nay đang sinh sống ổn định với chị O và cháu có nguyện vọng mong muốn được sống với chị O. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu H, tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu, cần giao cháu H cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị O tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Chị O tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị O khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm chị O phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị O đối với anh Nguyễn Thanh P.

Chị Đặng Thị O được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung H, sinh ngày 10/10/2012 cho chị Đặng Thị O được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Đặng Thị O tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Đặng Thị O tự thỏa thuận, không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Đặng Thị O khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002896 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang